

1. NHẬN DIỆN

Tên Sản Phẩm	Comet® Disinfecting Sanitizing Bathroom Cleaner - Concentrate
(Các) Mã Sản Phẩm	3-20
Định danh sản phẩm	15154320_PROF_NG
Product Type:	Thành phẩm - Chuyên nghiệp.
Công Dụng Đề Nghị	Sát trùng. Chất vệ sinh (Không khí dung).
Các giới hạn sử dụng	Không trộn lẫn với các sản phẩm tẩy rửa hoặc hóa chất khác vì có thể sinh ra khói gây kích ứng.
Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu	Procter & Gamble Professional 1 P&G Plaza Cincinnati, Ohio 45202 Procter & Gamble Inc. P.O. Box 355, Station A Toronto, ON M5W 1C5 1-800-332-7787
Địa Chỉ Email	pgsds.im@pg.com
Số Điện Thoại Khẩn Cấp	Transportation (24 HR) CHEMTREC - 1-800-424-9300 (U.S./ Canada) or 1-703-527-3887 Mexico toll free in country: 800-681-9531

2. NHẬN DIỆN HIỂM HỌA

Sản phẩm này được phân loại theo 29CFR 1910.1200 (d) và Quy định về Sản phẩm Nguy hại của Canada như sau:.

Nhã³m nguy há³i

Độc tính cấp tính - Qua miệng

Tổn Thương Mắt

Ăn mòn kim loại

Từ Cảnh Báo

Nhóm 4

Nhóm 2B

Nhóm 1

CẢNH BÁO

Tiêu ngữ hiểm họa

Gây kích ứng mắt

Có hại khi nuốt phải

Có thể ăn mòn kim loại

Các hình đồ hiểm họa





Tiêu Ngữ Đề Phòng

Rửa tay cẩn thận sau khi thao tác
Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này
Chỉ giữ trong dụng cụ đựng ban đầu
Không trộn lẫn với các sản phẩm tẩy rửa hoặc hóa chất khác vì có thể sinh ra khói gây kích ứng

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Ứng Phó

NẾU BỊ VẮNG VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong nhiều phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa
Nếu tiếp tục bị kích ứng mắt: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc
KHI NUỐT PHẢI:
Rửa bằng thật nhiều nước.
Uống 1 hoặc 2 ly nước
Gọi cho TRUNG TÂM CHẤT ĐỘC hoặc bác sĩ nếu bạn thấy không được khỏe
Thăm hút lượng tràn đổ để phòng ngừa hư hỏng vật liệu

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Bảo Quản

Bảo quản trong hộp chống ăn mòn

Tiêu Ngữ Đề Phòng - Thải Bỏ

Thải bỏ vật liệu bên trong/dụng cụ đựng theo các quy định của địa phương

3. THÀNH PHẦN CẤU TẠO/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Thành phần được liệt kê theo 29CFR 1910.1200 Phụ lục D và Quy định về Sản phẩm Nguy hại của Canada

Tên Hóa Chất	Từ đồng nghĩa	Bí mật thương mại	Số CAS	% trọng lượng
2-Propanol, 1-(2-butoxy-1-methylethoxy)-	2-Propanol, 1-(2-butoxy-1-methylethoxy)-	Có	29911-28-2	3 - 7
1,2,3-Propanetricarboxylic acid, 2-hydroxy-	1,2,3-Propanetricarboxylic acid, 2-hydroxy-	Có	77-92-9	1 - 5
1-Propanaminium, N-(3-aminopropyl)-2-hydroxy-N,N-dimethyl-3-sulfo-, N-coco acyl derivs., inner salts	1-Propanaminium, N-(3-aminopropyl)-2-hydroxy-N,N-dimethyl-3-sulfo-, N-coco acyl derivs., inner salts	Có	68139-30-0	1 - 5
Benzenesulfonic acid, (1-methylethyl)-, sodium salt (1:1)	Benzenesulfonic acid, (1-methylethyl)-, sodium salt (1:1)	Có	28348-53-0	1 - 5
Alcohols, C9-11, ethoxylated	Alcohols, C9-11, ethoxylated	Có	68439-46-3	1 - 5

Thông tin thêm

Nồng độ thực tế được giữ lại làm bí mật thương mại theo HPR của Canada

4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Các biện pháp sơ cứu cho các tuyến tiếp xúc khác nhau

Tiếp xúc với mắt

Rửa bằng thật nhiều nước. Tìm bác sĩ chăm sóc ngay nếu tiếp tục bị kích ứng.

Tiếp xúc với da

Rửa bằng thật nhiều nước. Tìm bác sĩ chăm sóc nếu bị kích ứng mà không khỏi.

Ăn phải Súc miệng. Uống 1 hoặc 2 ly nước. KHÔNG gây nôn. Tìm bác sĩ chăm sóc ngay nếu triệu chứng xuất hiện.

Hít phải Di chuyển ra nơi có không khí trong lành. Nếu vẫn còn triệu chứng, gọi bác sĩ.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.

F. Dấu hiệu cần chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt, nếu cần

Bác Sĩ Cần Lưu Ý Điều trị triệu chứng.

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Chất chữa cháy phù hợp Hóa chất khô, CO2, bọt chịu alcol hoặc nước xịt.

Chất Chữa Cháy Không Phù Hợp Không có.

Hiểm Họa Đặc Biệt Chưa được biết.

Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy Như trong mọi trường hợp cháy, phải sử dụng thiết bị thở độc lập cấp áp theo yêu cầu, có MSHA/NIOSH (phê chuẩn hoặc tương đương) và đầy đủ phụ tùng bảo hộ.

Hiểm họa đặc biệt phát sinh từ hóa chất Không có.

6. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ RÒ RỈ BẤT NGỜ

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Các biện pháp để phòng cá nhân Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu. Không để dính vào mắt, da, hoặc quần áo.

Hướng dẫn cho nhân viên ứng cứu khẩn cấp Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu.

Các cảnh báo về môi trường Không nên để phát tán ra môi trường

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Phương pháp ngăn chặn Dùng đất, cát hoặc các vật liệu không cháy khác để thấm hút rồi chuyển vào thùng chứa để thải bỏ sau đó.

Các phương pháp làm sạch Ngăn chặn và thu gom lượng tràn đổ bằng các vật liệu thấm hút không cháy, (ví dụ như cát, đất, bột diatomit, chất khoáng bón cây) rồi cho vào dụng cụ đựng để thải bỏ theo các quy định của địa phương / quốc gia (xem mục 13).

7. THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Hướng dẫn thao tác an toàn Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu. Đóng kín dụng cụ đựng khi không sử dụng. Không bao giờ cho chất đã tràn đổ vào lại thùng chứa ban đầu để tái sử dụng. Giữ xa tầm tay của trẻ em.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Các Điều Kiện Bảo Quản Giữ dụng cụ đựng thật kín ở nơi khô, mát, thông khí tốt. Bảo quản trong hộp chống ăn mòn.

Sản phẩm không tương thích Không trộn lẫn với các sản phẩm tẩy rửa hoặc hóa chất khác vì có thể sinh ra khói gây kích ứng.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Thông số quản lý

Hướng Dẫn Về Tiếp Xúc Chưa có các giới hạn tiếp xúc nào đáng chú ý cho (các) thành phần.

Quản lý phơi nhiễm

Biện Pháp Kỹ Thuật **Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:**
Bảo đảm thông khí đầy đủ

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Nếu hợp lý có thể thực hiện được điều này bằng cách sử dụng thông gió hút cục bộ và hệ thống hút gió tổng tốt

Trang Bị Bảo Hộ Cá Nhân

Bảo Vệ Mắt **Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:**
Không cần trang bị bảo hộ đặc biệt nào

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Sử dụng bảo hộ mắt thích hợp

Bảo Vệ Tay **Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:**
Không cần trang bị bảo hộ đặc biệt nào

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Găng tay bảo hộ

Bảo Vệ Da và Cơ Thể **Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:**
Không cần trang bị bảo hộ đặc biệt nào

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Sử dụng trang phục bảo hộ thích hợp

Bảo Vệ Đường Hô Hấp **Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:**
Không cần trang bị bảo hộ đặc biệt nào

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Trong trường hợp thiếu thông khí, phải sử dụng phương tiện bảo vệ đường hô hấp

9. CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Trạng thái vật lý Chất lỏng
Ngoại quan Trong suốt
Mùi Có mùi thơm
Ngưỡng phát hiện mùi Không có thông tin

Tính chất

pH 3
Điểm chảy / điểm đông Không có

Nhận Xét

Không tồn tại. Đặc tính này không liên quan

		đến sự an toàn và việc phân loại hóa chất này
Điểm sôi / vùng nhiệt độ sôi	Không có thông tin	
Điểm chớp cháy	> 93.3 °C / > 200 °F	
Tốc độ bay hơi	Không có	Không tồn tại. Đặc tính này không liên quan đến sự an toàn và việc phân loại hóa chất này
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có	Không áp dụng. Đặc tính này không liên quan đến các sản phẩm dạng lỏng
Các Giới Hạn Khả Năng Cháy trong Không Khí		
Giới hạn cháy hoặc nổ trên	Không có thông tin	
Giới hạn cháy hoặc nổ dưới	Không có thông tin	
Áp suất hơi	Không có thông tin	Không tồn tại. Đặc tính này không liên quan đến sự an toàn và việc phân loại hóa chất này
Tỷ trọng hơi	Không có	Không tồn tại. Đặc tính này không liên quan đến sự an toàn và việc phân loại hóa chất này
Tỷ trọng tương đối	1.042	
Độ tan trong nước	100%	
Hệ số phân tách	Không có thông tin	Không tồn tại. Đặc tính này không liên quan đến sự an toàn và việc phân loại hóa chất này
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có	Không tồn tại. Đặc tính này không liên quan đến sự an toàn và việc phân loại hóa chất này.
Nhiệt độ phân hủy	Không có	Không tồn tại. Đặc tính này không liên quan đến sự an toàn và việc phân loại hóa chất này.
Độ nhớt	<10 cps	
Hàm lượng Chất Hữu Cơ Bay Hơi (%)	Sản phẩm tuân thủ các quy định của tiểu bang và liên bang Hoa Kỳ về nội dung VOC trong các sản phẩm tiêu dùng.	

10. ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Khả năng hoạt động của hóa chất	Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.
Độ bền	Bền trong các điều kiện thông thường.
Polyme hóa gây nguy hiểm	Phản ứng polyme hóa nguy hiểm không xảy ra.
Các Phản Ứng Nguy Hiểm	Không có trong điều kiện xử lý bình thường.
Các điều kiện cần Tránh	Không có trong điều kiện xử lý bình thường.
Các vật liệu không tương thích	Không trộn lẫn với các sản phẩm tẩy rửa hoặc hóa chất khác vì có thể sinh ra khói gây kích ứng.
Các sản phẩm phân hủy nguy hại	Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông Tin Về Sản Phẩm

Thông tin về các đường tiếp xúc có thể gặp

Hít phải	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Tiếp xúc với da	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Ăn phải	Có thể có hại khi nuốt phải.
Tiếp xúc với mắt	Gây kích ứng mắt.

Các tác dụng chậm xuất hiện và xuất hiện tức thời cũng như tác dụng lâu dài do tiếp xúc ngắn hạn và lâu dài

Độc tính cấp tính	Có thể có hại khi nuốt phải.
Ăn mòn/kích ứng da	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Tổn thương nặng/kích ứng mạnh cho mắt	Gây kích ứng mắt.
Gây mẫn cảm da	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Gây mẫn cảm đường hô hấp	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Các Tác Dụng Trên Thần Kinh	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Độc tính sinh sản	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Độc tính tăng trưởng	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Khả năng gây dị tật cho thai nhi	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
STOT - tiếp xúc một lần	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
STOT - tiếp xúc nhiều lần	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Các Tác Dụng Trên Cơ Quan Đích	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Hiểm họa hít phải qua miệng	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Khả năng gây ung thư	Chưa có tác dụng nào được biết đến.

Thông Tin Về Thành Phần

Tên Hóa Chất	Số CAS	LD50 (liều bán tử) qua miệng	LD50 (liều bán tử) qua da	LC50 (Nồng độ bán tử) qua hô hấp
2-Propanol, 1-(2-butoxy-1-methylethoxy)-	29911-28-2	3700 mg/kg bw (OECD 401)	> 2000 mg/kg bw (OECD 402)	> 2.04 mg/L air (OECD 403)
1,2,3-Propanetricarboxylic acid, 2-hydroxy-	77-92-9	5400 mg/kg bw (//OECD 401)	> 2000 mg/kg bw (OECD 402)	-
Benzenesulfonic acid, (1-methylethyl)-, sodium salt (1:1)	28348-53-0	> 7000 mg/kg bw (OECD 401)	> 2000 mg/kg bw (//OECD 402)	> 6.41 mg/L air

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Sản phẩm không được cho là gây nguy hại cho môi trường.

Độ bền vững và độ phân hủy	Không có thông tin.
Tiềm năng tích tụ sinh học	Không có thông tin.
Khả năng di chuyển	Không có thông tin.
Các tác động có hại khác	Không có thông tin.

13: XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

Các biện pháp xử lý chất thải

Chất Thải của Phần Dư/Sản Phẩm Chưa Sử Dụng	Các sản phẩm trong Phiếu An toàn Hóa chất này, ở dạng ban đầu, khi được thải bỏ, là chất thải nguy hại gây ăn mòn, D002, theo quy định Liên bang RCRA của (40 CFR 261). Việc thải bỏ phải tuân theo các quy định của địa phương, bang và liên bang.
Bao bì đã bị nhiễm	Việc thải bỏ phải phù hợp với luật pháp và quy định hiện hành của địa phương, khu vực, và quốc gia.
Mã chất thải nguy hại California (thiết lập phi hộ gia đình)	331

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

DOT

Số UN/Mã Định Danh (ID)	UN1760
Tên riêng trong vận chuyển	Chất lỏng ăn mòn, nếu không có chỉ định nào khác
Mô tả	UN1760, Chất lỏng ăn mòn, nếu không có chỉ định nào khác, (citric acid), 8, III
Nhóm Hiểm Họa	8
Nhóm Đóng Gói	III

Sản phẩm này không có yêu cầu đặc biệt về vận chuyển khi được đóng gói ở dạng bán

IMDG

Số UN	UN1760
Tên vận chuyển chuẩn UN	Chất lỏng ăn mòn, nếu không có chỉ định nào khác
Mô tả	UN1760, Chất lỏng ăn mòn, nếu không có chỉ định nào khác, (citric acid), 8, III
Vận chuyển các nhóm chất nguy hại	8
Nhóm Đóng Gói	III

Sản phẩm này không có yêu cầu đặc biệt về vận chuyển khi được đóng gói ở dạng bán.

IATA

Số UN	UN1760
Tên vận chuyển chuẩn UN	Chất lỏng ăn mòn, nếu không có chỉ định nào khác
Mô tả	UN1760, Chất lỏng ăn mòn, n.o.s, (citric acid), 8, III
Vận chuyển các nhóm chất nguy hại	8
Nhóm Đóng Gói	III

Người gửi có trách nhiệm xác định bất kỳ sự miễn trừ nào, bao gồm Số lượng Giới hạn, có thể áp dụng dựa trên kích thước gói hàng.

15. THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH

CÁC QUY ĐỊNH CỦA LIÊN BANG HOA KỲ

CERCLA

Vật liệu này, như khi được cung cấp, không chứa chất nào được quy định là chất nguy hiểm theo Đạo Luật Tổng Quát về Đối Phó Bồi Thường và Trách Nhiệm Môi Trường - Comprehensive Environmental Response Compensation and Liability Act (CERCLA) (40 CFR 302) hoặc Đạo Luật Sửa Đổi và Tái Cấp Phép Chương Trình Nhận Diện-Xử Lý-Ngăn Ngừa Phát Tán Chất Độc Quốc Gia Superfund (SARA) (40 CFR 355). Có thể có các yêu cầu báo cáo riêng của cấp địa phương, khu vực, hoặc tiểu bang về việc phóng thích vật liệu này.

Đạo luật về Không khí Sạch, Phần 112 Chất gây ô nhiễm Không khí Nguy hại (HAP) (xem 40 CFR 61)

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được quy định là chất gây ô nhiễm không khí nguy hại (HAPS) theo Mục 112 của Sửa đổi Đạo luật về Không khí Sạch năm 1990.

Đạo Luật Bảo Vệ Nước

Sản phẩm này không chứa chất nào được quy định là chất gây ô nhiễm theo đạo Luật Bảo Vệ Nước (Clean Water Act - 40 CFR 122.21 và CFR 122.42).

Đề Nghị số 65 của California

Sản phẩm này không phải ghi nhãn cảnh báo theo Dự luật 65 của California.

Quy định của Nhà nước Hoa Kỳ (RTK)

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được kiểm soát theo quy định về quyền được biết của tiểu bang.

Các Danh Mục Quốc Tế

HOA KỲ

Tất cả các thành phần được thêm vào có chủ ý của (các) sản phẩm này được liệt kê trên TSCA Inventory của Hoa Kỳ

Canada

Sản phẩm này tuân thủ Đạo luật bảo vệ môi trường Canada để nhập khẩu bởi P&G

Chú giải

TSCA - Danh Mục của Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc Hoa Kỳ Mục 8(b)

CEPA - Đạo Luật Bảo Vệ Môi Trường của Canada

FIFRA

Hóa chất này là một sản phẩm thuốc trừ sâu được đăng ký bởi Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ và phải tuân theo một số yêu cầu ghi nhãn theo luật thuốc trừ sâu liên bang. Các yêu cầu này khác với các tiêu chí phân loại và thông tin nguy hại được yêu cầu trong Phiếu An toàn Hóa chất (SDS), và trong việc ghi nhãn ở nơi làm việc cho các hóa chất không phải thuốc trừ sâu. Thông tin nguy hại phải có trên nhãn thuốc trừ sâu được ghi lại dưới đây. Nhãn thuốc trừ sâu cũng bao gồm các thông tin quan trọng khác, như hướng dẫn sử dụng.

Số đăng ký EPA: 3573-54

CẦN THẬN

Có thể có hại khi nuốt phải

Gây kích ứng mắt

16. THÔNG TIN KHÁC

**Xếp hạng theo HMIS (Hệ Thống
Thông Tin Vật Liệu Nguy Hiểm)** -

Hiểm họa cho sức khỏe 3

Khả Năng Cháy 1

Hiểm họa vật lý 0

Hiểm họa cho sức khỏe 3

Khả Năng Cháy 1

Tính không bền 0

Ngày Ban Hành: 12-Thg2-2015

Ngày sửa đổi 02-Thg3-2020

Tuyên bố miễn trách.

Thông tin cung cấp trong Bản Thông tin an toàn này là chính xác theo tất cả sự hiểu biết, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi vào ngày ban hành thông tin. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế để hướng dẫn cho việc thao tác, sử dụng, xử lý, bảo quản, vận chuyển, thải bỏ và phóng thích an toàn và không nên được xem là một sự bảo đảm hay đặc điểm của chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan đến riêng vật liệu đề cập và sẽ không hợp lệ khi vật liệu đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc bất kỳ quá trình chế biến nào, nếu không được nêu rõ trong tài liệu này

Kết thúc phiếu an toàn hóa chất